

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 248/2020/DS-PT

Ngày: 27/8/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán  
tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Trương Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 27/8/2020, tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Tam Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 241/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Lê Phi T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Tam Nông - Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Nguyễn P T2, sinh năm 1977, địa chỉ: Khóm A, thị trấn A, huyện Tam Nông – Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền.

*2. Bị đơn:* - Trần Thị M, sinh năm 1972;

- Võ Văn S2, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Tam Nông – Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Cao Minh Trí, sinh năm 1970 là Luật sư của Văn Phòng luật sư Chí Công thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: số A, khóm A, phường Tân Qui Đông, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Võ Hải V, sinh năm 1997, địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Tam Nông – Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Hải V: ông Cao Minh Trí, sinh năm 1970.

Địa chỉ: số A, khóm A phường Tân Qui Đông, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1987. địa chỉ: ấp A, xã Phú Đức, huyện Tam Nông - Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp: Nguyễn P T2, sinh năm 1977, địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông – Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền.

- Người kháng cáo là ông Võ Văn S2 và bà Trần Thị M là bị đơn của vụ án.  
(Ông Trí, anh T2 có mặt tại phiên tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện trình bày: Từ năm 2013 đến tháng 6 năm 2016, vợ chồng bị đơn là ông Võ Văn S2 và bà Trần Thị M mua vật tư nông nghiệp của cửa hàng của ông. Đến ngày 04/6/2016 đối chiếu sổ sách thì vợ chồng bị đơn còn nợ lại số tiền 407.670.000 đồng, có viết giấy nhận nợ do bà M ký tên, sau đó bà M có trả được 109.670.000 đồng, từ tháng 7/2016 đến nay không trả. Tại phiên tòa thừa nhận do tính toán và ghi sai số tiền trong đơn khởi kiện giảm 1.000.000 đồng, đáng lý sau khi trả thì còn nợ 298.000.000 đồng nhưng ghi thành 297.000.000 đồng, nên cũng thống nhất chỉ yêu cầu số tiền nợ gốc là 297.000.000 đồng. Do đó khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông S2, bà M có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 297.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 0,75%/tháng từ tháng 7/2016 đến tháng 3/2019 là 47.407.500 đồng. Tổng cộng 344.407.500 đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các bị đơn là ông Võ Văn S2 và bà Trần Thị M cho là có việc mua vật tư nông nghiệp của ông T từ năm 2011 và có chốt nợ năm 2016 (không nhớ rõ ngày tháng) thì ông T nói nợ 470.000.000 đồng, nên bà M đã trả đủ số tiền 470.000.000 đồng cho ông T, việc trả nợ không có giấy tờ, biên nhận gì, ông T chốt sổ rồi bà M trả tiền xong thì T gạch sổ cái và bà M xé bỏ sổ nhỏ xem như là xong nợ, sau đó vợ của T nói trả như vậy chưa đủ còn tiền lãi 95.000.000 đồng, nên bà đã trả thêm nhiều lần, việc trả lãi cũng không giấy tờ, không nhớ rõ cụ thể thời gian trả năm nào nhưng nhớ cách khoảng 01 năm sau khi trả tiền gốc và khi trả cũng không ai chứng kiến ngoài con bà là Võ Hải V ở bên ngoài biết. Về biên nhận ngày 04/6/2016 thì bà M, ông S2 cho là bà M không có ký tên và có yêu cầu giám định. Do đó, qua yêu cầu của nguyên đơn thì các bị đơn không đồng ý vì đã trả nợ xong. Tại phiên tòa,

bà M có yêu cầu giám định lại và yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Anh Võ Hải V: có đi mua vật tư và có đem tiền trả cho ông T một vài lần, do sống chung với cha mẹ, nên việc mua và trả tiền là của cha mẹ, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này. Tại phiên tòa anh V yêu cầu hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc P và người đại diện trình bày: không có nhận tiền lãi từ bà M, việc mua bán là do chồng bà là ông T quản lý, bà thống nhất để ông T khởi kiện, không có ý kiến hay yêu cầu trong vụ án này.

\* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 53/2019/DS-ST ngày 14/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Buộc vợ chồng ông Võ Văn S2 và bà Trần Thị M có trách nhiệm liên đới trả 344.407.500 đồng tiền nợ vật tư nông nghiệp cho ông Lê Phi T, trong đó nợ gốc: 297.000.000 đồng, tiền lãi 47.407.500 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Về chi phí giám định: Ông Võ Văn S2 và bà Trần Thị M phải chịu 4.935.000 đồng (theo phiếu thu ngày 06/11/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp) nhưng được trừ vào chi phí tạm ứng mà ông, bà đã nộp thì ông S2, bà M đã nộp xong tiền chi phí giám định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Võ Văn S2 và bà Trần Thị M phải liên đới nộp 17.220.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Lê Phi T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông T 8.610.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (do Nguyễn P T2 nộp thay) theo biên lai thu số BH/2017/0005569 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

- Ngày 27/11/2019, bà Trần Thị M và ông Võ Văn S2 kháng cáo T2 bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa T2 bộ bản án sơ thẩm số 53/2019/DS-ST ngày 14/11/2019, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu giám định lại chữ ký “Trần Thị M” để so sánh lại chữ ký trong biên nhận ngày 04/6/2016 giữa Trần Thị M và Lê Phi T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị M và ông Võ Văn S2 vẫn giữ nguyên đơn nội dung đơn kháng cáo.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của bà Trần Thị M và ông Võ Văn S2 là không có căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà M, ông S2; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, T2 diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét kháng cáo của bà Trần Thị M và ông Võ Văn S2 Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Trần Thị M và ông Võ Văn S2 đều thừa nhận trước đây vào năm 2011 đến năm 2016 thì vợ chồng ông, bà có mua vật tư nông nghiệp của cửa hàng vật tư nông nghiệp Phi T và có chốt nợ vào năm 2016 (không nhớ rõ ngày tháng) thì bên phía cửa hàng là ông T có nói là nợ 470.000.000 đồng, nên bà M đã trả đủ số tiền 470.000.000 đồng cho ông Lê Phi T việc trả nợ không có giấy tờ, biên nhận gì, ông T chốt sổ rồi bà M trả tiền xong thì T gạch sổ cái và bà M xé bỏ sổ nhỏ xem như là xong nợ, sau đó chị P vợ của anh T nói trả như vậy chưa đủ còn tiền lãi 95.000.000 đồng, nên bà đã trả thêm nhiều lần, việc trả lãi cũng không giấy tờ, không nhớ rõ cụ thể thời gian trả năm nào nhưng nhớ cách khoảng 01 năm sau khi trả tiền gốc và khi trả cũng không ai chứng kiến ngoài con bà là Võ Hải V biết. Về biên nhận ngày 04/6/2016 thì bà M, ông S2 cho là bà M không có ký tên và có yêu cầu giám định. Đối với nguyên đơn thì cho rằng có bán vật tư nông nghiệp cho ông S2, bà M từ năm 2013 đến giữa năm 2016 bán nhiều lần. Đến ngày 04/6/2016 đối chiếu sổ sách thì vợ chồng ông S2, bà M còn nợ lại số tiền là 407.670.000 đồng, bà M có ký tên vào biên nhận nợ, sau đó bà M có trả được 109.670.000 đồng. Từ tháng 7 năm 2016 đến nay thì không có trả nữa. Tại phiên tòa sơ thẩm thì bà M thừa nhận có thiếu tiền vật tư là 470.000.000 đồng nhưng bà đã trả xong, khi trả không có làm giấy tờ gì. Sau đó có trả thêm nhiều lần không

nhớ thời gian, không ai chứng kiến khoảng lãi trả là 95.000.000 đồng và đã trả xong. Đối với biên nhận ngày 04/6/2016 thì bà cho rằng bà không có ký tên và bà yêu cầu giám định. Tại Kết luận giám định số 883/KL-KTHS ngày 30/10/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: “Chữ ký mang tên Trần Thị M trên tài liệu cầm giám định ký hiệu A so với chữ ký của bà Trần Thị M trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M<sub>1</sub> đến M<sub>11</sub> do cùng một người ký ra”. Do vậy xét thấy việc bà M cho rằng đã trả xong nợ tiền vật tư nông nghiệp cho anh T nhưng bà không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ nên tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm thì bà Trần Thị M cũng có đơn yêu cầu Tòa án giám định chữ ký của bà trong biên nhận ngày 04/6/2016 giữa bà với nguyên đơn. Tại kết luận số 161/C09 – P5 ngày 02/7/2010 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an thì kết luận: “Chữ ký mang tên Trần Thị M trên tài liệu cầm giám định ký hiệu A so với chữ ký của bà Trần Thị M trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M<sub>1</sub> đến M<sub>14</sub> do cùng một người ký ra”.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng bà M và ông S2 đã trả xong tiền mua bán vật tư cho anh T xong nhưng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh là đã trả số tiền xong cho nguyên đơn nên kháng cáo của phía bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa thì phía bị đơn cung cấp 02 quyển sổ mua bán thức ăn nhưng nội dung không thể hiện chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Còn đối với 01 biên nhận ngày 10/4/2016 với số tiền là 60.000.000 đồng thì cũng trước ngày bị đơn ký biên nhận nợ cho nguyên đơn; Đối với hóa đơn ngày 27/12/2017 ghi do anh T nhận số tiền 20.000.000 đồng nhưng phía nguyên đơn cho rằng đây là khoảng tiền trong số tiền 109.670.000 đồng mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn nên không có căn cứ để xem xét.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bị đơn cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử bác kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị đơn.

[3] Xét tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị M và ông Võ Văn S2, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân

dân huyện Tam Nông, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do y án sơ thẩm nên bà Trần Thị M và ông Võ Văn S2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, Điều 148 và khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430,440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị M và ông Võ Văn S2.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm 53/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Buộc ông Võ Văn S2 và bà Trần Thị M có trách nhiệm liên đới trả tiền vật tư nông nghiệp cho ông Lê Phi T số tiền 344.407.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành, theo lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Về chi phí giám định: Ông Võ Văn S2 và bà Trần Thị M phải chịu 4.935.000 đồng (theo phiếu thu ngày 06/11/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp) và 5.050.000 đồng (theo phiếu thu ngày 02/7/2020 của Viện khoa học hình sự) nhưng được trừ vào chi phí tạm ứng mà ông, bà đã nộp thì ông S2, bà M đã nộp xong tiền chi phí giám định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Võ Văn S2 và bà Trần Thị M phải liên đới nộp 17.220.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Lê Phi T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông T 8.610.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (do Nguyễn P T2 nộp thay) theo

biên lai thu số BH/2017/0005569 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

**\* Về án phí phúc thẩm:**

Bà Trần Thị M và ông Võ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005705 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân huyện Tam Nông.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy**